

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2019/HS-PT  
Ngày 27-9-2019

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đặng M Hạnh

*Các Thẩm phán:* Ông Lương Ngọc Dũng

Bà Trần M Phương

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Hương Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Ông Trương Ngọc Sơn- Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 54/2019/TLPT-HS ngày 09 tháng 8 năm 2019 đối với bị cáo Lê Văn T do có kháng cáo của bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2019/TLPT-HS ngày 02 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện V, thành phố Hải Phòng.

**Bị cáo bị kháng cáo: Lê Văn T** (tên gọi khác là M), sinh năm 1988 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn L, xã V, huyện V, thành phố Hải Phòng; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; con ông Lê Văn T (đã chết) và bà Phạm Thị G; có vợ là Nguyễn Thị P (đã ly hôn) và có 01 con; tiền sự: Không; có 02 tiền án:

+ Bản án hình sự sơ thẩm số 48/2009/HS-ST ngày 23 tháng 6 năm 2009, của Tòa án nhân dân quận H, thành phố Hải Phòng xử phạt 18 tháng tù về tội *Trộm cắp tài sản*

+ Bản án hình sự sơ thẩm số 13/2012/HS-ST ngày 22 tháng 5 năm 2012, của Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng, xử phạt 48 tháng tù về tội *Cướp tài sản*

Bị tạm giữ từ ngày 21 tháng 01 năm 2019, đến ngày 24 tháng 01 năm 2019, chuyển tạm giam; có mặt.

- Bị hại kháng cáo: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1992; địa chỉ: Cụm 6, thôn G, xã T, huyện V, thành phố Hải Phòng; có mặt

### NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chiều ngày 22 tháng 7 năm 2018, Lê Văn T, trú tại: Thôn L, xã V, huyện V, thành phố Hải Phòng điều khiển xe máy chở một người phụ nữ tên N (hiện không xác định được cụ thể) và cháu Lê Việt A, sinh năm 2011 (là con của T) đi trên đường trục cụm 6, thôn G, xã T, huyện V, thành phố Hải Phòng thì va quệt với xe máy của chị Nguyễn Thị T chở hai bao trấu đi ngược chiều. Thấy chị T dừng xe chỉnh lại hai bao trấu, T quay lại nhốt cục xỉ vôi ven đường đập vào đầu chị T nhưng do chị T đội mũ bảo hiểm nên không gây thương tích gì. Sau đó, T dùng chân đá vào vùng bụng của chị T nhiều cái rồi bỏ đi.

Chị T bị đau bụng, chảy máu và được người nhà đưa đi cấp cứu, điều trị tại bệnh viện nhưng đã bị xảy thai. Tại Bản kết luận giám định pháp y số 381/2018/TgT ngày 30 tháng 7 năm 2018, của Trung tâm pháp y Hải Phòng kết luận: *“...Tỷ lệ phân trăm tổn thương cơ thể của nạn nhân do thai nhi 08 tháng rau bong non, phải mổ cấp cứu thì thai nhi chết được Bệnh viện V xác định do tác động của ngoại lực gây nên là: 27%; Vết bầm tím vùng bụng hạ vị có đặc điểm do vật tày (nếu là tay chân cũng được coi là vật tày) tác động trực tiếp gây nên. Còn việc tác động của ngoại lực (chấn thương) có phải do vụ xô xát xảy ra ngày 22 tháng 7 năm 2018, gây nên không thì đề nghị cơ quan Cơ quan Cảnh sát điều tra làm rõ thêm...”*.

Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện V đã khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can và ra quyết định truy nã Lê Văn T về hành vi “Cố ý gây thương tích”, đến ngày 21 tháng 01 năm 2019, T bị bắt theo Quyết định truy nã.

Tại Cơ quan điều tra T khai không có quan hệ, quen biết hay mâu thuẫn gì với chị T. Khi va quệt với xe máy của chị T thì T chỉ bị đau vết mổ ở tay do xe bị nghiêng và cháu Việt A bị ngã. Do chị T không xin lỗi nên bị cáo rất bức tức nên đã quay lại nhốt cục xỉ vôi ở bên đường đánh vào đầu chị T, dùng chân đạp vào bụng chị T 03 cái làm cho chị T khụy xuống đường và máu ở bụng dưới chảy ra. Lúc đó, chị T mặc áo chống nắng nên bị cáo không biết chị T có thai và cũng không nghe thấy chị T nói là mình có thai. Sau đó người bạn gái tên N đi cùng can ngăn nên bị cáo đi về và vào trong Sài Gòn và Cần Thơ để làm ăn, đến ngày 21 tháng 01 năm 2019 thì bị bắt.

Chị Nguyễn Thị T khai: Khi bị T dùng cục xỉ vôi đánh vào đầu rồi dùng chân đạp vào bụng, chị đã xin lỗi vào nói là mình đang có thai nhưng T không

dừng lại mà vẫn tiếp tục dùng chân đạp tiếp vào bụng chị 02 cái nữa. Chỉ khi được người phụ nữ tên N can ngăn thì T mới dừng lại. Chị bị thương tích phải mổ lấy thai nhi 8 tháng vì rau bị bong non, thai nhi bị chết.

Tiến hành đối chất cả T và chị T vẫn giữ nguyên lời khai của mình.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 18/2019/HS-ST ngày 02 tháng 7 năm 2019, Tòa án nhân dân huyện V đã quyết định:

1. Căn cứ vào các điểm d, đ khoản 2 Điều 134; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm i khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Văn T **42** tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 21 tháng 01 năm 2019.

2. Về thiệt hại dân sự: Căn cứ vào Điều 48 Bộ luật Hình sự; các điều 584, 585 và 590 của Bộ luật Dân sự; mục 1 phần II Nghị quyết số 03 ngày 08 tháng 7 năm 2006, của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định của Bộ luật Dân sự năm 2005, về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng và Nghị định số 38/2019/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2019, của Chính phủ quy định về mức lương cơ sở. Bị cáo Lê Văn T phải bồi thường thiệt hại cho chị Nguyễn Thị T **90.810.000** đồng.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo của những người có quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 08 tháng 7 năm 2019 bị hại Nguyễn Thị T đã gửi Đơn kháng cáo bản án nêu trên, yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo và tăng mức bồi thường thiệt hại.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị hại vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo. Đơn kháng cáo trong thời hạn luật định nên được chấp nhận xem xét.

*Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên:*

- Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm d, đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Tuy nhiên mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo là nhẹ, chưa tương xứng với tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; chấp nhận một phần kháng cáo của người bị hại, tăng hình phạt đối với bị cáo.

Không chấp nhận kháng cáo của bị hại về tăng mức bồi thường thiệt hại.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo khai nhận hành vi dùng viên xi gạch đập vào đầu, sau đó dùng chân đạp vào bụng người bị hại gây thương tích. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm; lời khai người làm chứng; bản kết luận giám định cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét công khai tại phiên tòa. Do đó, đủ cơ sở kết luận: Chiều ngày 22 tháng 7 năm 2018 bị cáo đã đánh chị Nguyễn Thị T gây thương tích xảy thai, tỷ lệ tổn thương cơ thể là 27 % nên đã cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” theo Điều 134 Bộ luật Hình sự.

[2] Việc hai xe máy đi ngược chiều va quyết với nhau trên đường làng hẹp, dù chưa xác định rõ lỗi của ai, nhưng bị cáo đã dùng viên xi gạch đập vào đầu của bị hại (nhưng chưa gây thương tích do bị hại đội mũ bảo hiểm), rồi dùng chân đạp vào bụng bị hại nhiều lần làm nạn nhân bị xảy thai; nhân thân bị cáo có 02 tiền án chưa được xóa án tích. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” với tình tiết định khung tăng nặng là *có tính chất côn đồ và tái phạm nguy hiểm* theo các điểm d, đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự là có căn cứ. Tuy nhiên, án sơ thẩm nhận định bị cáo không biết bị hại đang mang thai là không có cơ sở, bởi lẽ: Chị T khai khi bị cáo đập vào bụng đã van xin và nói là đang mang thai nhưng bị cáo vẫn tiếp tục đập vào bụng chị 2 cái nữa; mặc dù bị cáo không thừa nhận nhưng xét bị cáo đã từng có vợ, con nên phải biết biểu hiện của phụ nữ mang thai đến tháng thứ 8. Do đó, bị cáo phải chịu thêm tình tiết tăng nặng định khung quy định tại điểm c khoản 1 Điều 134 là *phạm tội với phụ nữ mà biết rõ là có thai*.

[3] *Về tình tiết tăng nặng*: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Án sơ thẩm nhận định bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ *ăn năn hối cải* là chưa chính xác vì bị cáo đã bỏ đi khỏi địa phương, không xin lỗi thăm hỏi, bồi thường cho người bị hại.

[5] *Về vai trò, tính chất mức độ phạm tội và hình phạt*: Hành vi của bị cáo đánh phụ nữ mang thai ny trước nhà vợ cũ của bị cáo, thể hiện bản tính hung hãn, coi thường sức khỏe người khác. Sau khi phạm tội đã bỏ trốn, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án; không thăm hỏi, bồi thường nên đã gây bức xúc cho gia đình bị hại. Do Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng đến tình tiết tăng nặng định khung *Phạm tội với phụ nữ mà biết rõ là có thai* quy định tại điểm c khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự, nên mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo là chưa tương xứng. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy mặc dù tại phiên tòa bị cáo đã xin lỗi và đồng ý giao chiếc xe máy của mình để bồi thường cho người bị hại; hoàn cảnh gia đình khó khăn, đang ở cùng mẹ già bị bệnh nặng và phải nuôi con nhỏ sau ly hôn nhưng

cũng cần chấp nhận yêu cầu kháng cáo, sửa án sơ thẩm để tăng hình phạt theo ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo.

[6] *Về trách nhiệm dân sự*: Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị cáo bồi thường các khoản thiệt hại gồm: Tiền thuốc, viện phí (Có hóa đơn kèm theo) là **13.600.000** đồng; tiền thuê xe chi phí cho việc cứu chữa vết thương = **2.200.000** đồng; tiền bồi dưỡng sức khỏe trong thời gian điều trị tại bệnh viện của bị hại: 100.000 đồng/ngày x 11 ngày = **1.100.000** đồng; tiền bồi dưỡng sức khỏe trong thời gian phục hồi sức khỏe tại nhà của bị hại: 50.000 đồng/ngày x 90 ngày = **4.500.000** đồng; tiền tổn thất tinh thần của bị hại là 30 tháng lương cơ sở x 1.490.000 đồng = **44.700.000** đồng; tiền thu nhập thực tế của bị hại như lao động phổ thông tại địa phương là 200.000 đồng/ngày x 101 ngày = **20.200.000** đồng; tiền thu nhập thực tế bị mất của người chăm sóc bị hại trong thời gian nằm viện [(350.000 đồng/ngày x 11 ngày = 3.850.000 đồng) + (tiền tàu xe 60.000 đồng/ngày x 11 ngày = 660.000 đồng)] = **4.510.000** đồng; là phù hợp quy định tại các điều 584, 585 và 590 của Bộ luật Dân sự; mục 1 phần II Nghị quyết số 03 ngày 08 tháng 7 năm 2006 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Người bị hại không cung cấp được thêm các tài liệu, chứng cứ hợp pháp nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo tăng tiền bồi thường thiệt hại.

[7] *Về xử lý vật chứng*: Chiếc xe máy mang biển kiểm soát 15K1- 26166 không có giấy tờ đăng ký, nhưng kết quả xác m đây là tài sản của bị cáo đăng ký chính tên, chính chủ tại Công an huyện V. Xét bị cáo chưa bồi thường cho người bị hại nên cần tạm giữ chiếc xe máy để bảo đảm việc thi hành án dân sự và bị cáo cũng đồng ý giao lại chiếc xe để bồi thường cho bị hại.

[8] Người bị hại kháng cáo không phải chịu án phí hình sự và được miễn án phí dân sự phúc thẩm đối với yêu cầu tăng tiền bồi thường.

[9] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xét.

Vì các lẽ trên,

### QUYẾT ĐỊNH:

**1.** Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; chấp nhận một phần kháng cáo của người bị hại:

- Căn cứ vào các điểm d, đ khoản 2 Điều 134; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm i khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Văn T (tên gọi khác là M) **05** (năm) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 21 tháng 01 năm 2019.

- *Về trách nhiệm dân sự*: Căn cứ vào Điều 48 Bộ luật Hình sự; các điều 584, 585 và 590 của Bộ luật Dân sự; mục 1 phần II Nghị quyết số 03/2006/NQ-

HĐTP ngày 08 tháng 7 năm 2006, của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; buộc bị cáo Lê Văn T phải bồi thường thiệt hại cho chị Nguyễn Thị T số tiền **90.810.000** (Chín mươi triệu tám trăm mười nghìn) đồng.

Kể từ ngày chị T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo chưa thi hành xong khoản tiền trên, thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn chưa thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

- *Về xử lý vật chứng*: Căn cứ vào Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; tạm giữ chiếc xe máy mang biển kiểm soát 15K1- 26166 của Lê Văn T để bảo đảm việc thi hành án dân sự (có đặc điểm như biên bản thu giữ đã bàn giao cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện V).

- *Về án phí*: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; chị Nguyễn Thị T không phải chịu án phí hình sự và được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

2. Các quyết định khác của Bản án số 18/2019/HS-ST ngày 02 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3 Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

*Về quyền yêu cầu thi hành án*: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- Công an thành phố Hải Phòng;
- Cục THADS thành phố Hải Phòng;
- Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Phòng KTNV và THA TAND TP. Hải Phòng;
- Trại giam, PV 27 - Công an TPHP;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đặng M Hạnh**